คำร้องขอนำคนต่างด้าวมาทำงานกับนายจ้างในประเทศ

Application Form for bringing foreign worker to work with employer in the Kingdom of Thailand

(สัญชาติ.....) (Nationality.....)

๑. ข้าพเจ้า (นายจ้าง/สถานประกอบการ).....	1. (Employer/Company).....
.....	.....
ประเภทธุรกิจ/กิจการ.....	Type of business.....
เลขที่.....หมู่ที่.....ตรอก/ซอย.....	Address No.....Moo.....Soi.....
ถนน.....แขวง/ตำบล.....	Road.....Sub-District.....
เขต/อำเภอ.....จังหวัด.....	District.....Province.....
โทรศัพท์.....โทรสาร.....	Telephone.....Fax.....
๒. เรือประมงชื่อ.....	2. Fishing Boat Name.....
ขนาดเรือประมง ความยาว.....เมตร	Size of Boat Length.....metres
ระวางบรรทุกของเรือ.....ตันกรอส	Tonnage.....tonnes.
ทะเบียนเรือเลขที่.....	Boat Registration No.....
ใบอนุญาตทำการประมงเลขที่.....	Permission of Department of Fishery, Thailand.....
๓. แต่งตั้งให้บริษัทประเทศต้นทาง ชื่อ.....	3. The name of authorized company from the country of origin
.....	.....
ที่อยู่.....	Address.....
.....	.....
ตามหนังสือแต่งตั้งลงวันที่...../...../.....	Concerning the Power of Attorney on (date...../...../.....
๔. ประสงค์จะจ้างคนต่างด้าว จำนวน .....คน	4. We would like to hire.....(number of) foreign worker (s).
เพศชาย จำนวน.....คน เพศหญิง จำนวน.....คน	Male .....Person (s) Female .....person (s)
๕. คุณสมบัติที่ต้องการ : อายุ.....ปีส่วนสูง.....น้ำหนัก.....	5. Qualification: Age.....year (S) Height..... Weight.....
๖. ระยะเวลาการจ้าง.....ปี.....เดือน	6. Period of employment.....year (s).....month (s
๗. ค่าจ้าง.....บาท ต่อวัน/เดือน	7. Wage .....bath per/day/month
๘. ส่วนแบ่งตามมูลค่าของสัตว์น้ำที่จับได้..... (ระบุจำนวนเงินหรือเปอร์เซ็นต์)	8. Remuneration based on value of harvested aquatic animals..... (Specify amount of money or percent)
๙. ชั่วโมงการทำงานปกติ.....ชั่วโมง	9. Number of normal working hours.....hours.
๑๐.วันหยุดประจำสัปดาห์.....วัน วันหยุดพักผ่อนประจำปี.....วัน วันหยุดตามประเพณี.....วัน	10. Weekly holiday.....day (s) Annual leave.....day (s) Thai official holiday.....day (s)
๑๑.ค่าใช้จ่ายที่อยู่ในความรับผิดชอบของคนต่างด้าว ใบอนุญาตทำงาน.....บาท ตรวจลงตราวีซ่า.....บาท ตรวจสุขภาพ.....บาท (ค่าใช้จ่ายที่อยู่ในความรับผิดชอบของคนต่างด้าวที่นายจ้างได้ออกไปให้ก่อน ให้นายจ้างหักจากเงินที่คนต่างด้าวได้รับได้ไม่เกินร้อยละสิบของเงินที่คนต่างด้าวได้รับในแต่ละเดือน)	11. Expenses in the responsibility of foreign workers are as follows: Work Permit.....baht Visa.....baht Health Check Up.....baht (Expenses in the responsibility of foreign workers that employers do the advanced payment can be deducted from the workers' monthly wage at the maximum of 10%)
๑๒. คนต่างด้าวจะเดินทางเข้ามาผ่านด่านตรวจคนเข้าเมือง.....	12. The Immigration checkpoint which foreign worker will enter.....
.....	.....
๑๓. คนต่างด้าวเข้ารับการอบรมที่ศูนย์แรกรับเข้าทำงานและสิ้นสุดการจ้าง จังหวัด.....	13. Foreign Worker received training at Post-Arrival and Repatriation Center,.....Province
ทั้งนี้ข้าพเจ้าขอรับรองว่าจะดำเนินการให้คนต่างด้าวที่ขอนำมาทำงานปฏิบัติตนให้ถูกต้องตามกฎหมายทุกประการ	We hereby accept that all processes of bringing foreign workers to work shall comply with the Thai laws and regulations.
ลายมือชื่อ.....	Signature.....
วันที่.....เดือน.....พ.ศ.	Date.....Month.....Year.....

แบบ ปม.๑ (ท้ายคนงาน)
Mẫu PM 1

สัญญาจ้างในงานประมงทะเล
Hợp đồng lao động trong lĩnh vực đánh bắt thủy hải sản

เขียนที่.....
Hợp đồng được thực hiện tại

สัญญาฉบับนี้ทำขึ้นเมื่อวันที่.....เดือน.....พ.ศ.....
Hợp đồng này được lập ngày tháng Năm

ระหว่าง
Giữa

.....(ให้ระบุชื่อนิติบุคคลหรือบุคคล
(hãy ghi rõ tên cá

ธรรมดาซึ่งเป็นนายจ้าง) ที่อยู่ปัจจุบัน.....
nhân, tập thể là người thuê) Địa chỉ hiện tại

.....

ซึ่งต่อไปในสัญญานี้เรียกว่า "นายจ้าง" ฝ่ายหนึ่งกับ
Sau đây trong hợp đồng sẽ được gọi là "chủ thuê" với một bên là:

นาย/นาง/นางสาว.....
Ông/bà

หมายเลขประจำตัวประชาชน (กรณีคนต่างด้าว ให้ระบุหมายเลขของเอกสารหลักฐานที่ใช้แสดงตนของลูกจ้าง ได้แก่
Số chứng minh thư nhân dân (trường hợp là người nước ngoài hãy ghi rõ mã số tài liệu chứng minh nhân thân

หนังสือเดินทาง เอกสารใช้แทนหนังสือเดินทาง ใบสำคัญถิ่นที่อยู่ ใบสำคัญประจำตัวคนต่างด้าว หรือบัตรประจำตัว
như: số hộ chiếu hoặc số giấy tờ khác dùng thay cho hộ chiếu, sổ hộ khẩu, số hiệu cá nhân người nước ngoài

คนซึ่งไม่มีสัญชาติไทย) ..... ออกให้ ณ
hoặc số chứng minh thư nhân dân không phải là người quốc tịchThái) Nơi cấp

.....วันออกบัตร.....วันหมดอายุ .....
Ngày cấp Ngày hết hạn

สัญชาติ.....อายุ.....ปี หมายเลขใบอนุญาตทำงาน (ถ้ามี).....
Quốc tịch Tuổi Giấy phép làm việc số (nếu có)

ปัจจุบันอยู่บ้านเลขที่.....หมู่ที่.....ถนน..... ตำบล/แขวง.....
Chỗ ở hiện nay nhà số Tổ Đường Xã/Phường

อำเภอ/เขต.....จังหวัด.....รหัสไปรษณีย์.....
Huyện/Quận Tỉnh Mã số bưu điện

โทรศัพท์..... โดยมีภูมิลำเนาตามทะเบียนบ้าน(กรณีคนต่างด้าวให้ระบุตามใบสำคัญถิ่นที่อยู่
Quốc gia Điện thoại Nơi thường trú theo sổ hộkhẩu (trường hợp là người nước ngoài hãy

ในต่างประเทศ) อยู่บ้านเลขที่.....หมู่ที่.....ถนน.....ตำบล/แขวง.....
ghi chỗ ở hiện tại theo sổ hộ khẩu) Số nhà Tổ Đường Xã/Phường

อำเภอ/เขต.....จังหวัด.....รหัสไปรษณีย์.....
Huyện/Quận Tỉnh Mã số bưu điện

ประเทศ.....โทรศัพท์..... ซึ่งต่อไปในสัญญานี้เรียกว่า "ลูกจ้าง"
Quốc gia Điện boại Sau đây theo hợp động này sẽ được gọi là "người được thuê"

นายจ้างได้ตกลงกับลูกจ้าง ดังต่อไปนี้
Chủ thuê và người được thuê đã nhất trí các điều thỏa thuận sau:

ข้อ ๑ นายจ้างตกลงว่าจ้างลูกจ้างให้ทำงานในตำแหน่ง.....
Điều 1: Chủ thuê nhất trí thuê người được thuê vào làm việc với Chức vụ

ในเรือประมงชื่อ.....ทะเบียนเรือเลขที่.....
Tên tàu Số hiệu tàu

โดยมี.....ปัจจุบันอยู่บ้านเลขที่.....หมู่ที่.....ถนน.....
Do Địa chỉ số Tổ Đường

ตำบล/แขวง.....อำเภอ/เขต.....จังหวัด.....รหัสไปรษณีย์.....
Xã/Phường Huyện/Quận Mã số bưu điện Tỉnh

ประเทศ.....โทรศัพท์.....เป็นเจ้าของเรือทำประมงอยู่ที่(แหล่งประมง)
Quốc gia Điện thoại Là chủ tàu được phép hoạt động đánh bắt hải sản tại khu vực

.....โดยให้ลูกจ้างเริ่มทำงานตั้งแต่วันที่.....
Người được thuê sẽ bắt làm việc từ ngày

ถึงวันที่ ..... (กรณีสัญญาจ้างมีกำหนดระยะเวลาให้ระบุวันสิ้นสุดสัญญาด้วย)
Đến ngày (Trường hợp hợp đồng qui định thời gian thuê hãy ghi rõ ngày kết thúc hợp đồng)

ข้อ ๒ นายจ้างตกลงจ่ายค่าตอบแทนให้แก่ลูกจ้าง ดังนี้
Điều 2: Chủ thuê nhất trí trả tiền thuê cho người được thuê như sau:

๒.๑ ค่าจ้างจ่ายให้วัน/เดือนละ.....บาท.....
2.1. Tiền thuê tính theo ngày/tháng, mỗi ngày/mỗi tháng Bạt

..... (ให้กำหนดรายละเอียด เงื่อนไข และวิธีการจ่าย)
(hãy qui định điều kiện và cách thức thanh toán)

๒.๒ ส่วนแบ่งตามมูลค่าของสัตว์น้ำที่จับได้จ่ายให้.....

2.2. Tiền phân chia theo giá trị của thủy hải sản đánh bắt được chi trả cho người được thuê

.....(ระบุจำนวนเงินหรือเปอร์เซ็นต์

(hãy ghi rõ số lượng lượng tiền hoặc phần

ที่แบ่งจ่ายโดยกำหนดรายละเอียด เงื่อนไข และวิธีการจ่าย)

trăm phân chia cụ thể, điều kiện và cách thức thanh toán)

๒.๓ เงินอื่นๆ (ถ้ามี).....

2.3. Tiền thù lao khác (nếu có)

.....

(ให้กำหนดรายละเอียด เงื่อนไข และวิธีการจ่าย)

(qui định cụ thể về điều kiện và cách thức thanh toán)

ทั้งนี้ ค่าจ้างที่ลูกจ้างจะได้รับ เมื่อรวมแล้วต้องไม่น้อยกว่าอัตราค่าจ้างขั้นต่ำตามประกาศ

Dù sao đi nữa, tổng tiền thù lao mà người được thuê nhận được không ít hơn mức lương tối thiểu đối với tiền thuê nhân công

คณะกรรมการค่าจ้างซึ่งใช้บังคับในขณะนั้น

theo như qui định của Ủy ban chi trả tiền thuê nhân công.

ข้อ ๓ นายจ้างต้องจัดเวลาพักให้ลูกจ้างมีเวลาพักไม่น้อยกว่า ๑๐ ชั่วโมง ในระยะเวลาการ

Điều 3: Chủ thuê phải có nghĩa vụ đảm bảo thời gian ngủ, nghỉ cho người được thuê không dưới 10 giờ/ngày và không dưới

ทำงาน ๒๔ ชั่วโมง และไม่น้อยกว่า ๗๗ ชั่วโมง ในระยะเวลาการทำงาน ๗ วัน

77 giờ/tuần.

ข้อ ๔ นายจ้างเป็นผู้จัดสวัสดิการ ดังนี้

Điều 4: Chủ thuê là người cung cấp một số chế độ đãi ngộ như sau

๔.๑ จัดให้มีอาหารและน้ำดื่มที่สะอาดถูกสุขลักษณะ ห้องส้วม เวชภัณฑ์ และยาเพื่อ

4.1. Cung cấp thức ăn, nước uống sạch đảm bảo hợp vệ sinh an toàn thực phẩm; phòng vệ sinh; thuốc và dụng cụ y tế cần

ใช้ปฐมพยาบาลเบื้องต้น ในจำนวนที่เพียงพอเพื่อให้เหมาะสมกับการทำงานและระยะเวลาการใช้ชีวิตบนเรือ

thiết và đầy đủ để phù hợp với công việc và thời gian sinh sống và làm việc trên tàu.

๔.๒ สวัสดิการอื่นๆ (ถ้ามี) ให้ระบุ.....

4.2. Chế độ đãi ngộ khác (nếu có) ghi rõ

.....

ข้อ ๕ นายจ้างมีหน้าที่จัดเครื่องมือหรืออุปกรณ์เพื่อความปลอดภัยในการทำงานบนเรือซึ่งมี

Điều 5: Chủ thuê phải có nghĩa vụ cung cấp các dụng cụ bảo hộ cho quá trình làm việc trên tàu, các dụng cụ bảo hộ này phải đảm bảo

มาตรฐานตามที่กฎหมายกำหนด รวมทั้งให้ความรู้แก่ลูกจ้างเกี่ยวกับสภาพการทำงาน การใช้เครื่องมือหรืออุปกรณ์

chất lượng và tiêu chuẩn theo như qui định của pháp luật, cung cấp những thông tin cần thiết về điều kiện làm việc và cách thức sử dụng các loại dụng cụ bảo

ดังกล่าวก่อนการทำงาน

hộ trên cho người được thuê trước khi vào làm việc.

ข้อ ๖ ลูกจ้างต้องปฏิบัติหน้าที่ของตนให้ลุล่วงไปโดยถูกต้องและสุจริต ไม่จงใจขัดคำสั่ง

Điều 6: Người được thuê có nghĩa vụ hoàn thành công việc được giao một cách chính xác và tự nguyện, không được chống đối lệnh

ของนายจ้างอันชอบด้วยกฎหมาย หรือละทิ้งหน้าที่ หรือกระทำการอื่นใดให้นายจ้างได้รับความเสียหาย

của chủ thuê (lệnh hợp pháp) hoặc tự ý bỏ nhiệm vụ hoặc có hành động khác gây ra thiệt hại cho chủ thuê.

ข้อ ๗ ลูกจ้างมีสิทธิติดต่อเจ้าหน้าที่ของรัฐ/ศูนย์ประสานแรงงานประมง/ครอบครัว

Điều 7: Người được thuê có quyền liên hệ với cơ quan chính phủ/Trung tâm liên hệ lao động ngư nghiệp/gia đình và chủ thuê phải có

โดยนายจ้างต้องจัดให้ลูกจ้างเข้าถึงหรือจัดหาอุปกรณ์การสื่อสาร

nghĩa vụ tạo điều kiện cho người được thuê thực hiện được các nguyện vọng trên hoặc cung cấp dụng cụ thông tin liên lạc.

ข้อ ๘ เงื่อนไขอื่นที่มิได้ระบุในสัญญานี้ ให้นายจ้างและลูกจ้างปฏิบัติตามกฎกระทรวงคุ้มครอง

Điều 8: Các điều khoản khác không được ghi trong bản hợp đồng này, đề nghị chủ thuê và người được thuê nghiêm chỉnh chấp hành

แรงงานในงานประมงทะเล พ.ศ. ๒๕๕๗ เว้นแต่กรณีที่นายจ้างปฏิบัติต่อลูกจ้างสูงกว่ามาตรฐานที่กำหนดไว้ใน

theo Bộ luật bảo vệ quyền lợi lao động trong lĩnh vực ngư nghiệp năm 2014. Ngoại trừ trường hợp chủ thuê đối xử với người được thuê cao hơn tiêu chuẩn

กฎกระทรวงฉบับดังกล่าว ก็ให้เป็นไปตามนั้น

được ghi trong bộ luật nói trên hãy thực hiện theo như đã thỏa thuận.

สัญญาฉบับนี้ทำขึ้นเป็นภาษาไทยจำนวนสองฉบับมีข้อความถูกต้องตรงกัน เก็บไว้ที่นายจ้าง

Hợp đồng này được làm thành 02 bản bằng tiếng Thái với nội dung giống nhau và giao cho chủ thuê và người được thuê mỗi người

หนึ่งฉบับและลูกจ้างหนึ่งฉบับ ซึ่งคู่สัญญาทั้งสองฝ่ายได้อ่านและเข้าใจข้อความของสัญญานี้ดีโดยตลอดแล้ว

01 bản để lưu giữ. Chủ thuê và người được thuê đã đọc kỹ và hiểu rõ các nội dung ghi trong hợp đồng trước khi ký kết trước mặt

จึงลงลายมือชื่อไว้เป็นสำคัญต่อหน้าพยาน

nhân chứng.

ลงชื่อ.....นายจ้าง Ký tên Chủ thuê	ลงชื่อ.....ลูกจ้าง Ký tên Người được thuê
(.....)	(.....)
ลงชื่อ.....พยาน Ký tên Nhân chứng	ลงชื่อ.....พยาน Ký tên Nhân chứng
(.....)	(.....)